

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh:.....

Mã đề 016

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào trong các đô thị sau có quy mô dân số trên 1 triệu người ở nước ta?

- A. Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh, Cần Thơ.
- B. Hà Nội, Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh.
- C. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng.
- D. Hải Phòng, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất phèn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22 kết hợp với trang 10, cho biết nhà máy thủy điện Trị An nằm trên sông nào dưới đây?

- A. Sông Đồng Nai.
- B. Sông La Ngà.
- C. Sông Bé.
- D. Sông Sài Gòn.

Câu 44: Cấu trúc địa hình nước ta chạy theo hai hướng chính là

- A. hướng vòng cung và đông nam - tây bắc.
- B. hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.
- C. hướng tây nam - đông bắc và hướng vòng cung.
- D. hướng vòng cung và hướng đông bắc - tây nam.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Đà Nẵng không có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Đóng tàu.
- B. Điện tử.
- C. Cơ khí.
- D. Luyện kim đen.

Câu 46: Các nước Đông Nam Á chưa phát huy được hết lợi thế của biển để đánh bắt hải sản chủ yếu do

- A. các cơn bão nhiệt đới gây nhiều thiệt hại.
- B. phương tiện đánh bắt còn lạc hậu.
- C. công nghệ chế biến tại chỗ còn thô sơ.
- D. môi trường biển một số vùng bị ô nhiễm.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ không có cao nguyên nào sau đây?

- A. Mơ Nông.
- B. Lâm Viên.
- C. Sơn La.
- D. Kon Tum.

Câu 48: Một trong những vấn đề mang tính toàn cầu mà nhân loại đang phải đối mặt là

- A. động đất và núi lửa.
- B. mất cân bằng giới tính.
- C. ô nhiễm môi trường.
- D. cạn kiệt nguồn nước ngọt.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh duy nhất thuộc vùng Bắc Trung Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng trị.
- B. Đà Nẵng.
- C. Quảng Ngãi.
- D. Thừa Thiên -Huế.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có diện tích lưu vực lớn nhất ở phần lãnh thổ phía Bắc của nước ta?

- A. Sông Mã.
- B. Sông Cả.
- C. Sông Thái Bình.
- D. Sông Hồng.

Câu 51: Đảo lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á là

- A. Xumatra
- B. Mindanao.
- C. Giava.
- D. Calimanta.

Câu 52: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Trình độ lao động đang được nâng cao.
- B. Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ lệ cao.
- C. Công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.
- D. Lực lượng lao động có trình độ cao còn ít.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết hai tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất nước ta?

- A. Cà Mau, Bạc Liêu.
- B. Cần Thơ, Bạc Liêu.
- C. An Giang, Đồng Tháp.
- D. Kiên Giang, An Giang.

Câu 54: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh.
- B. đới rừng cận nhiệt đới gió mùa.
- C. đới rừng cận xích đạo gió mùa.
- D. đới rừng nhiệt đới gió mùa.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tài nguyên đất của Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đất bị xâm thực, xói mòn và bạc màu chiếm diện tích rộng.
- B. Đất phù sa ngọt phân bố thành dải dọc sông Tiền, sông Hậu.
- C. Một vài loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc đất quá chặt, khó thoát nước.
- D. Đất phèn và đất mặn có diện tích lớn hơn đất phù sa ngọt.

Câu 56: Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất về khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

- A. nhiều vịnh biển, cửa sông.
- B. nhiều bãi triều, đầm phá.
- C. các ngư trường trọng điểm.
- D. vùng biển diện tích rộng.

Câu 57: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta có cơ cấu đa dạng?

- A. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- B. Nhiều thành phần kinh tế cùng sản xuất và nguyên liệu phong phú.
- C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.
- D. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 58: Trung Quốc phát triển những ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, đồ gốm, sứ, dệt may ở địa bàn nông thôn là do

- A. nguồn lao động có trình độ cao và thị trường tiêu thụ.
- B. lực lượng lao động dồi dào và nguyên vật liệu sẵn có.
- C. tận dụng nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
- D. phát huy thế mạnh nguồn lao động đông, dồi dào.

Câu 59: Biểu hiện của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. phát triển nhiều khu công nghiệp tập trung.
- B. các vùng sản xuất chuyên canh được mở rộng.
- C. các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành.
- D. tăng tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng.

Câu 60: Đặc điểm chủ yếu nhất của nền nông nghiệp Nhật Bản?

- A. Kĩ thuật thâm canh tiên tiến, năng suất cao.
- B. Trình độ cơ giới hóa và tự động hóa rất cao.
- C. Chú trọng áp dụng quy trình canh tác hiện đại.
- D. Khai thác triệt để đất trồng ở vùng sườn núi dốc.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Làm thay đổi sự phân công lao động theo lãnh thổ.
- B. Nâng cao hiệu quả bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- C. Tạo ra những thay đổi trong phân bố dân cư.
- D. Giúp đẩy mạnh sự giao lưu với các vùng khác.

Câu 62: Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Có điều kiện thuận lợi về kỹ thuật và vốn.
- B. Có một số khoáng sản trữ lượng lớn.

- C. Có nguồn nguyên liệu từ nông lâm nghiệp.
- D. Có nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

Câu 63: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Hồng?

- A. Một số tài nguyên thiên nhiên bị xuống cấp.
- B. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.
- C. Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.
- D. Tài nguyên thiên nhiên rất phong phú, đa dạng.

Câu 64: Việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên đã đem lại ý nghĩa quan trọng nào sau đây về mặt kinh tế?

- A. Thu hút lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc.
- B. Góp phần điều chỉnh sự phân bố dân cư và lao động trên địa bàn cả nước.
- C. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất các loại nông sản.
- D. Góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, đảm bảo sự an toàn cân bằng sinh thái.

Câu 65: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động khai thác thế mạnh về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đánh bắt được nhiều loại cá quý như cá thu, cá ngừ, cá trích...
- B. Sản lượng cá biển chiếm phần lớn sản lượng thủy sản của vùng.
- C. Việc nuôi tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh.
- D. Biển nhiều tôm, cá và các hải sản khác.

Câu 66: Ở nước ta, thủy sản nuôi trồng đã vươn lên và vượt thủy sản khai thác cả về sản lượng và giá trị, nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu?

- A. Những điều kiện để phát triển nuôi trồng đang có nhiều thuận lợi.
- B. Nuôi trồng tránh được những tác động tiêu cực của tự nhiên.
- C. Chủ trương hạn chế khai thác để bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- D. Hiệu quả kinh tế cao và tính chủ động trong sản xuất hàng hóa.

Câu 67: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với chế độ nhiệt của nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao nhất ở vùng ven biển Trung Bộ.
- C. Biên độ nhiệt có xu hướng giảm dần từ Bắc vào Nam.
- D. Biến trình nhiệt của Nam Bộ có dạng hai cực đại và hai cực tiểu.

Câu 68: Đặc trưng quan trọng nhất của việc phát triển nền nông nghiệp hàng hoá ở nước ta hiện nay là

- A. quan tâm nhiều hơn đến thị trường tiêu thụ.
- B. tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị rất cao.
- C. tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt.
- D. phân bố ở những nơi có nhiều thuận lợi nhất.

Câu 69: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất khẩu của nước ta từ sau Đổi mới đến nay?

- A. Thị trường được mở rộng và đa dạng hóa.
- B. Kim ngạch xuất khẩu luôn luôn cao hơn nhập khẩu.
- C. Kim ngạch xuất khẩu nhìn chung tăng qua các năm.
- D. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản là các thị trường lớn.

Câu 70: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp điện lực của nước ta hiện nay?

- A. Nhiên liệu cho sản xuất điện ở miền Trung là khí tự nhiên.
- B. Hàng loạt nhà máy điện có công suất lớn đang hoạt động.
- C. Trong cơ cấu sản lượng điện, nhiệt điện chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- D. Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp điện.

Câu 71: Mục tiêu của ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định là vì

- A. các thế lực thù địch thường can thiệp, cạnh tranh giành ảnh hưởng.
- B. để nâng cao sức cạnh tranh của khu vực trên thị trường thế giới.
- C. các nước trong khu vực còn nhiều tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ.
- D. nhằm thúc đẩy sự phát triển của các nước thành viên trong khu vực.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A. Tập trung dày đặc nhất ở ven biển miền Trung.
- B. Các ngành chế biến chính tương đối đa dạng.
- C. Quy mô giá trị sản xuất các trung tâm đều lớn.
- D. Tỷ trọng rất nhỏ trong toàn ngành công nghiệp.

Câu 73: Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ TRUNG BÌNH PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 1990 - 2014**

(Đơn vị: nghìn người)

| Năm | 1990 | 1995 | 2000 | 2005 | 2010 | 2014 |
|---------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tổng số | 66017 | 71995 | 77631 | 82392 | 86947 | 90729 |
| Nam | 32203 | 35237 | 38165 | 40522 | 42993 | 44758 |
| Nữ | 33814 | 36758 | 39466 | 41870 | 43954 | 45971 |

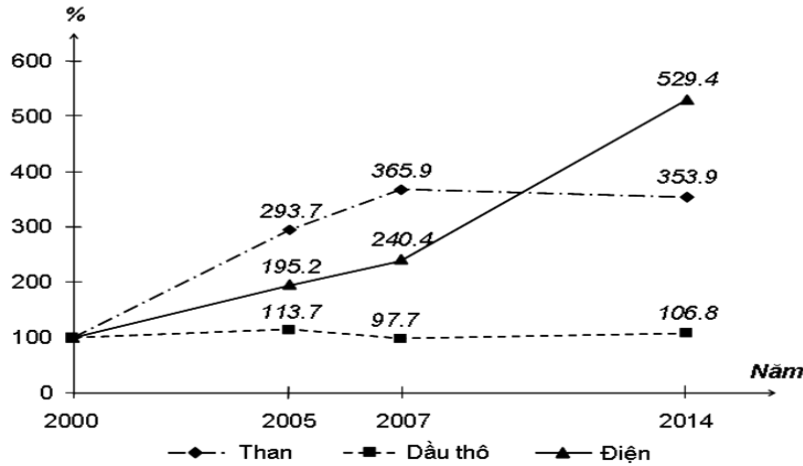
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số trung bình phân theo giới tính của nước ta giai đoạn 1990 - 2014, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Kết hợp.
- C. Miền.
- D. Đường.

Câu 74: Cho biểu đồ:

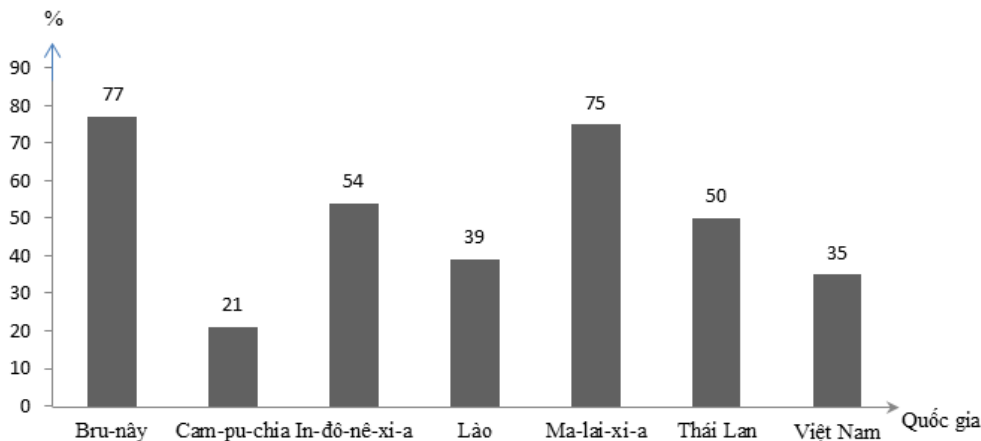
**Tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta
giai đoạn 2000 - 2014**



Căn cứ vào biểu đồ đã cho, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2000 - 2014 ?

- A. Điện tăng 429,4% và tăng nhanh nhất từ 2007 đến 2014.
- B. Than tăng 353,9% và tăng nhanh nhất từ 2000 đến 2007.
- C. Dầu thô tăng 6,8% và tăng trưởng không ổn định.
- D. Dầu thô luôn có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.

Câu 75: Cho biểu đồ về đô thị hóa của một số quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á năm 2015:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu dân số trong tổng số dân của một số quốc gia.
- B. Tỷ lệ dân số thành thị trong tổng số dân của một số quốc gia.
- C. Dân số thành thị trong tổng số dân của một số quốc gia.
- D. Tốc độ tăng dân số thành thị của một số quốc gia.

Câu 76: Cho bảng số liệu:

SỐ KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ DU LỊCH CỦA NƯỚC TA

| Năm | 2000 | 2005 | 2010 | 2014 |
|----------------------------------|------|------|------|------|
| Khách nội địa (triệu lượt người) | 11,2 | 16,0 | 63,3 | 99,2 |
| Khách quốc tế (triệu lượt người) | 2,1 | 3,5 | 5,0 | 8,0 |
| Doanh thu (tỉ USD) | 17,4 | 30,0 | 44,4 | 66,8 |

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển ngành du lịch nước ta?

- A. Khách quốc tế tăng rất nhanh và chiếm tỉ trọng thấp.
- B. Số lượng khách nội địa ít hơn khách quốc tế.
- C. Khách nội địa tăng nhanh hơn khách quốc tế.
- D. Doanh thu du lịch thấp và ngày càng giảm.

Câu 77: Biện pháp quan trọng nhất để tránh mất nước của các hồ chứa ở Đông Nam Bộ là

- A. bảo vệ vốn rừng trên thượng lưu của các sông.
- B. xây dựng và mở rộng các vườn quốc gia.
- C. phục hồi và phát triển nhanh rừng ngập mặn.
- D. bảo vệ nghiêm ngặt các khu dự trữ sinh quyển.

Câu 78: Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

- A. Tây Nguyên.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA,
NĂM 2010 VÀ 2015**

(Đơn vị: tỷ đô la Mỹ)

| Năm | Phi-lip-pin | Xin-ga-po | Thái Lan | Việt Nam |
|------|-------------|-----------|----------|----------|
| 2010 | 199,6 | 236,4 | 340,9 | 116,3 |
| 2015 | 292,5 | 292,8 | 395,2 | 193,4 |

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia năm 2015 so với 2010?

- A. Thái Lan tăng nhiều nhất.
- B. Phi-lip-pin tăng chậm nhất.
- C. Việt Nam tăng nhanh nhất.
- D. Xin-ga-po tăng ít nhất.

Câu 80: Nguồn lợi thủy sản ở nhiều nơi trong vùng Bắc Trung Bộ có nguy cơ giảm rõ rệt chủ yếu do

- A. tàu thuyền công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính.
- B. vùng biển thường xuyên xảy ra thiên tai.
- C. môi trường ven biển đang bị ô nhiễm.
- D. không có các bãi cá, bãi tôm quy mô lớn.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng *Atlas Địa lí Việt Nam* do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành trong khi làm bài thi.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.